

# VẤN ĐỀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA LAO ĐỘNG ĐẾN THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHIỆP Ở TIỀN GIANG

Mai Văn Nam<sup>1</sup> và Nguyễn Thanh Vũ<sup>2</sup>

## ABSTRACT

*The study aims to analyze labor employment and its impact on the investment decision of enterprises into industrial zone in Tien Giang. Based on analyzing results, the study also suggests some solutions to increase the employment and to attract enterprises on investment into industrial zones. Factors function analysis was applied in the study. The result shows that there are three major factors affecting on investment decision, they are (i) infrastructure of industrial zones, (ii) abundant labor sources, labor quality and competitive labor prices, and (iii) the advantages for enterprise operation of industrial zone places. Among them, the advantages for enterprise operation of industrial zone place is the most important one.*

**Keywords:** *infrastructure of industrial zone; labor quality and competitive labor prices; industrial zone places*

**Title:** *Attracting investment into industrial zone and its labor employment in Tien Giang province*

## TÓM TẮT

*Nghiên cứu nhằm phân tích tình hình sử dụng lao động và ảnh hưởng lao động đến quyết định đầu tư vào khu công nghiệp; từ đó đề xuất các giải pháp nhằm tăng hiệu quả sử dụng lao động trong khu công nghiệp và thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp. Hàm nhân tố được sử dụng để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào khu công nghiệp; có ba nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến quyết định này bao gồm: i) cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; (ii) nguồn lao động dồi dào, chất lượng lao động và giá nhân công hấp dẫn, và (iii) vị trí, địa điểm thành lập khu công nghiệp thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; trong đó, quan trọng nhất là vị trí, địa điểm thành lập khu công nghiệp thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.*

**Từ khóa:** *cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; chất lượng lao động và giá nhân công hấp dẫn; vị trí, địa điểm thành lập khu công nghiệp*

## 1 GIỚI THIỆU

Khu công nghiệp (KCN) có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Theo số liệu từ Vụ quản lý KCN và Khu chế xuất thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong năm 2006 các doanh nghiệp (DN) trong KCN của cả nước đã tạo ra giá trị sản xuất công nghiệp trên 16 tỷ USD (chiếm gần 40% tổng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp cả nước). Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá của các DN trong KCN và đạt khoảng 16,3 tỷ USD

<sup>1</sup> Khoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup> Ban quản lý Khu công nghiệp Tiền Giang

(chiếm khoảng 23,5% tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của cả nước). Trong đó xuất khẩu đạt gần 8 tỷ USD.

KCN còn là nơi thu hút nguồn vốn đầu tư đáng kể. Tính đến cuối năm 2007 tổng số vốn đầu tư của các DN trong nước là 200 ngàn tỷ đồng, và tổng số vốn đầu tư nước ngoài vào khoảng 31 tỷ USD. Ngoài ra, KCN đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho xã hội thông qua việc thu hút rất nhiều lao động trực tiếp và gián tiếp. Theo số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến cuối 2007 các KCN đã thu hút trên 1 triệu lao động trực tiếp và 2 triệu lao động gián tiếp, góp phần làm gia tăng chất lượng nguồn nhân lực kể cả lao động quản lý và kỹ năng lao động trực tiếp.

Chính vì vai trò quan trọng đó mà nhiều KCN đã được hình thành trong phạm vi cả nước, tính từ năm 1991, khi đầu tiên - Tân Thuận ở TP HCM được hình thành, tính đến cuối năm 2007 cả nước đã có 154 KCN được thành lập với diện tích đất tự nhiên là 33.000 ha phân bố trên 54 tỉnh thành đã đóng góp đáng kể vào giá trị sản xuất công nghiệp, xuất khẩu và thu hút một lượng lớn lao động, đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa (CNH-HĐH). Tuy nhiên, tỷ lệ đất đã cho thuê trong KCN, tính đến cuối tháng 08 năm 2007 chỉ đạt 59,9% tổng diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê. Vì vậy, việc tìm ra biện pháp hợp lý nhằm khuyến khích các DN đầu tư vào KCN, đặc biệt trong điều kiện suy giảm kinh tế như hiện nay là cần thiết để góp phần khôi phục nền kinh tế.

Nghiên cứu nhằm phân tích sử dụng lao động và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các DN vào KCN. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm thu hút các DN đầu tư vào KCN, trong điều kiện suy giảm kinh tế.

## **2 PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1 Mục tiêu nghiên cứu**

Nghiên cứu nhằm phân tích tình hình sử dụng lao động và ảnh hưởng lao động đến quyết định đầu tư vào KCN; từ đó đề xuất các giải pháp nhằm tăng hiệu quả sử dụng lao động trong KCN và thu hút các DN đầu tư vào KCN.

### **2.2 Địa bàn và thời gian nghiên cứu**

Nghiên cứu được khảo sát ở các KCN thuộc tỉnh Tiền Giang. Thời gian nghiên cứu được thực hiện năm 2005-2008.

### **2.3 Phương pháp thu thập số liệu**

Nghiên cứu sử dụng cả số liệu sơ cấp lẫn số liệu thứ cấp.

*Số liệu thứ cấp:* Số liệu về tình hình đầu tư, tình hình quy hoạch, kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của các DN; các chính sách của địa phương về KCN được lấy từ các báo cáo hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Tiền Giang, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê, UBND các huyện và Ban quản lý các KCN trên địa bàn nghiên cứu.

*Số liệu sơ cấp:* Thu thập dữ liệu thông qua 44 mẫu phỏng vấn các DN ở KCN ở Tiền Giang gồm các lĩnh vực: Lương thực, thực phẩm (10 mẫu); chế biến

thủy sản (9 mẫu); May mặc, giày da, gia dụng (7 mẫu); Thức ăn gia súc, thú y, thủy sản (5 mẫu); xây dựng, cơ khí (4 mẫu); nhiên liệu (1 mẫu); khác (8 mẫu).

#### 2.4 Phương pháp phân tích số liệu

Để xây dựng mô hình và đo lường mức độ quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các DN vào KCN, tác giả sử dụng mô hình phân tích nhân tố để đánh giá mức độ quan trọng ảnh hưởng các DN đầu tư vào KCN.

Mô hình phân tích nhân tố có dạng:

$$F_i = V_1X_1 + V_2X_2 + V_3X_3 + V_4X_4 + V_5X_5 + V_6X_6$$

Trong đó:

$F_i$ : ước lượng trị số của nhân tố thứ  $i$

Các biến:

$V_1$ : Chính sách ưu đãi đầu tư vào KCN,

$V_2$ : Cơ sở hạ tầng kỹ thuật KCN,

$V_3$ : Vị trí, địa điểm thành lập KCN- thuận lợi cho sản xuất kinh doanh

$V_4$ : Được cung cấp điện sản xuất, viễn thông, nước sản xuất và xử lý nước thải tập trung tới chân hàng rào DN

$V_5$ : Nguyên liệu đầu vào ổn định

$V_6$ : Lực lượng lao động dồi dào, giá nhân công hấp dẫn và chính sách hỗ trợ đào tạo lao động.

Quy ước biến  $V_1$  đến  $V_6$ :

Các nhân tố đặc trưng trên có tương quan với nhau với các nhân tố chung. Bản thân các nhân tố chung cũng có thể được diễn tả như những kết hợp tuyến tính của các biến quan sát đồng thời dùng thang đo 5 điểm xem mức độ quan trọng (1. Rất không quan trọng; ...; 5. Rất quan trọng).

### 3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1 Tổng quan về tình hình đầu tư và phát triển KCN ở Tiền Giang

Khu công nghiệp Mỹ Tho là KCN đầu tiên của tỉnh Tiền Giang được thành lập theo Quyết định số 782/TTg ngày 20/09/2007 của Chính phủ với diện tích 79,14 ha. Đến nay Tiền Giang hiện có thêm 05 KCN như KCN Tân Hương, KCN Long Giang, KCN Soài Rạp, KCN Bình Đông và KCN dầu khí và 8 Cụm công nghiệp (CCN) được phân bố ở các huyện theo vùng nguyên liệu và lợi thế của huyện. Theo quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Tiền Giang đến năm 2020, Tiền Giang sẽ có ít nhất 11 KCN tập trung và 30 CCN. Hiện tại tỉnh có 02 CCN đã được lấp đầy diện tích đó là CCN Trung An – Thành phố Mỹ Tho và CCN An Thạnh – huyện Cái Bè và có hơn 6 CCN đang triển khai xây dựng. Đây là cơ hội để cho các nhà đầu tư vào kinh doanh gắn với các làng nghề và vùng nguyên liệu địa phương.

Về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng: cơ sở hạ tầng trong và ngoài hàng rào KCN là yếu tố rất quan trọng trong việc hấp dẫn các nhà đầu tư. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng trong hàng rào KCN Mỹ Tho và CCN Trung An ở Tiền Giang được thực hiện theo hình thức “*cuốn chiếu*”, DN thuê đất thì ngân sách cấp tiền giải tỏa đền bù và xây dựng hạ tầng đến đó. Nhìn chung số vốn thực hiện ở các KCN, CCN đạt

chưa cao, làm ảnh hưởng đến công tác thu hút đầu tư của các DN vào KCN, CCN của tỉnh.

Các DN trong KCN Mỹ Tho và CCN Trung An có quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường. Tuy nhiên vẫn còn một số DN chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải cục bộ đạt loại C hoặc đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải nhưng không đưa vào hoạt động thường xuyên; công tác xử lý bụi, mùi chưa tốt còn gây ảnh hưởng đến sinh hoạt và sức khỏe của khu dân cư lân cận.

### **3.2 Thu hút đầu tư vào khu công nghiệp**

Năm 2005, KCN Mỹ Tho đã thu hút được 2 dự án mới với vốn đầu tư 22,9 triệu USD, đây cũng là 2 dự án cho thuê lấp kín 100% diện tích đất KCN Mỹ Tho. Khi diện tích đất KCN Mỹ Tho và CCN Trung An đã lấp đầy 100% thì CCN An Thạnh (huyện Cái Bè), CCN Tân Mỹ Chánh (TP Mỹ Tho) đã cơ bản hoàn thành cơ sở hạ tầng và có diện tích đất cho thuê, kết quả là năm 2006 hai CCN này đã thu hút 23 DN đầu tư nhưng với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 5,9 triệu USD giảm so với năm 2005 là 17 triệu USD. Mặc dù số dự án năm 2006 tăng gấp 10 lần năm 2005 nhưng số vốn đăng ký đầu tư chỉ đạt 25,8% so với năm 2005 vì các dự án đầu tư vào 2 CCN này chủ yếu là các DN vừa và nhỏ như xay xát, chế biến lương thực, nên số vốn đăng ký mỗi DN cao nhất 18 tỷ đồng thấp nhất 4 tỷ đồng. Tuy nhiên, nếu xét về tổng vốn tiếp nhận (gồm vốn đầu tư của dự án mới và dự án tăng vốn của Công ty TNHH Uni-President Việt Nam chi nhánh Tiền Giang và Công ty TNHH Royal Foods trong KCN Mỹ Tho) thì năm 2006 cao hơn 2005 là 3,1 triệu USD và tăng 13,5% so với năm 2005. Trong năm 2007 các KCN, CCN đã thu hút được 15 dự án mới với vốn đầu tư 28,2 triệu USD (trong đó KCN Tân Hương với 5 dự án mới với số vốn đầu tư 21,6 triệu USD, CCN An Thạnh và CCN Tân Mỹ Chánh là 10 với số vốn đầu tư là 6,6 triệu USD) tăng nhiều so với năm 2005 và tăng 50,4% so với năm 2006. Số dự án nước ngoài năm 2005-2007 là 6 DN trong đó năm 2005 là 2 DN và năm 2007 là 4 DN. Điều này cho thấy các KCN, CCN ở Tiền Giang chưa thật sự hấp dẫn cho việc thu hút đầu tư của các DN nước ngoài. Số dự án còn hiệu lực và tổng vốn đầu tư tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2005 có 35 dự án còn hiệu lực thì đến năm 2006 là 58 dự án và tính đến năm 2007 đã có 73 dự án còn hiệu lực, thuê trên 90,1 ha đất, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 210,3 triệu USD và đã thực hiện đầu tư được 104,8 triệu USD, chiếm 35,4% vốn đăng ký của tất cả các KCN, CCN. Điều này cho thấy sự nỗ lực rất lớn của Ban quản lý các KCN và UBND các huyện thành, thị trong việc tăng cường thu hút đầu tư, nâng cao tỷ lệ lấp đầy KCN, CCN. Năm 2005 vốn thực hiện đạt 49,4% so với tổng lượng vốn đăng ký, năm 2006 đạt 56,3% và đến năm 2007 vốn thực hiện chỉ đạt 48,9%. Tỷ lệ vốn thực hiện trên vốn đăng ký năm 2007 giảm so với năm 2006 là do các dự án đầu tư vào KCN Tân Hương mới triển khai dự án chưa đi vào hoạt động nên số vốn thực hiện ở KCN này chỉ đạt từ 20% -30% so với vốn đăng ký. Trong năm 2007 KCN Tân Hương chỉ có một DN đã xây dựng xong nhà xưởng cho hoạt động SXKD của mình, các DN còn lại chỉ triển khai dự án đạt từ 30-60%.

**Bảng 1: Kết quả thu hút đầu tư các doanh nghiệp vào KCN, CCN Tiền Giang**

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	2006/2005		2007/2006	
				C.lệch	%	C.lệch	%
1. Số dự án mới	2	23	15	21	-	-8	65,22
- Vốn ĐT dự án mới (tr.USD)	22,9	5,9	28,2	-17,0	25,8	22,3	477,9
2. Số DN tăng vốn mở rộng SX	0	2	2	2	-	0	100,0
- Vốn ĐT mở rộng SX (tr.USD)	0	20,1	10,9	20,1	-	-9,2	54,23
3. Số dự án ĐT nước ngoài	2	0	4	-2	-	4	-
- Tổng vốn ĐT đăng ký	22,9	0	16,3	-	-	16,3	-
4. Tổng vốn ĐT tiếp nhận (trUSD)	22,9	26,0	39,1	3,1	113,5	13,1	150,4
5. Số dự án còn hiệu lực	35	58	73	23	165,7	15	125,9
- Số diện tích đất thuê (ha)	63,1	73,2	90,1	10,1	116,0	16,9	123,9
- Tổng vốn đăng ký (tr.USD)	145,2	171,2	210,3	26,0	117,9	39,1	122,8
- Tổng vốn thực hiện (tr.USD)	71,8	96,3	104,8	24,5	134,1	8,5	108,8
- % vốn thực hiện/ đăng ký	49,4	56,3	48,9	6,9	114,0	-7,4	-
6. Vốn đầu tư ĐK/ha (Tr.USD/ha)	2,30	2,34	2,33	0,04	101,7	-0,01	-

*Nguồn: Ban quản lý KCN Tiền Giang và Sở Công nghiệp Tiền Giang, 2008*

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy số vốn đăng ký đầu tư trên 1 ha năm 2006 là 2,34 triệu USD/ha tăng 1,7% so với năm 2005 và năm 2007 là 2,33 triệu USD/ha giảm so với năm 2006. Mặc dù số vốn đăng ký đầu tư trong những năm qua tăng cao (trên 25%/năm) nhưng số vốn đầu tư trên 1 ha lại giảm. Điều này cho thấy tình hình thu hút đầu tư ở các KCN, CCN Tiền Giang trong những năm qua chưa cao và có chiều hướng giảm chủ yếu thu hút các nhà đầu tư trong nước, việc thu hút đầu tư nước ngoài còn chậm và phần lớn là dự án vừa và nhỏ, chưa thu hút được dự án có tầm cỡ và công nghệ cao; tỷ lệ vốn thực hiện trên vốn đăng ký thấp trong những năm qua ở các KCN, CCN Tiền Giang; do các nguyên nhân sau:

- *Nguyên nhân chủ quan:* Các chính sách thu hút đầu tư của các KCN, CCN Tiền Giang chưa tạo được sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, thủ tục cấp phép cho những dự án mới còn rườm rà khó khăn, mất nhiều thời gian, công tác bồi thường giải tỏa còn chậm do thiếu vốn nên không có đất cho nhà đầu tư thực hiện dự án của mình. Lợi dụng chính sách giá cho thuê đất thấp của tỉnh, các DN thuê đất với một diện tích lớn sau đó chuyển nhượng lại một phần hoặc toàn bộ cho một số DN khác với giá cao hơn như Cty TNHH Nam of London.
- *Nguyên nhân khách quan:* do nền đất yếu nên các dự án lớn rất khó triển khai vì chi phí gia công xử lý nền móng cao (cao gấp nhiều lần so với khu vực Miền Đông) vì vậy mà các dự án công nghiệp nặng thường không khả thi khi có quyết định đầu tư vào các KCN. Cơ sở hạ tầng chung của tỉnh Tiền Giang còn thấp kém, chưa đồng bộ, nên lượng vốn FDI thu hút vào các KCN nhìn chung hiện nay chưa cao.

Hiện tại, các KCN, CCN Tiền Giang thu hút vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu là các nước Châu Á, chưa thu hút được các dự án từ các nước có công nghệ tiên tiến. Hiện một số nước đầu tư gồm: Australia, Anh, Hồng Kông, Đài Loan, Thái Lan, Singapore, Malaysia, Trung Quốc và Nhật.

### 3.3 Lao động và sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp

Các KCN, CCN Tiền Giang ngày càng phát triển đã thu hút ngày càng đông lực lượng lao động. Ngoài số lao động trực tiếp trong KCN, CCN. Các KCN, CCN này còn tạo thêm việc làm gián tiếp cho hàng ngàn hộ nông dân sản xuất, nuôi trồng cung cấp nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến nông sản, thủy hải sản và hàng ngàn người làm dịch vụ như nhà trọ, phương tiện vận tải, bốc vác, nhà trọ, ăn uống v.v... Trong năm 2007, các KCN, CCN đã thu hút được 4.614 lao động, nâng số lượng lao động làm việc trong KCN, CCN lên 11.023 người, tăng hơn 25,5% so với năm 2006, trong đó số lao động bốc vác, thời vụ tại các KCN, CCN khoảng 4.159 người. Trong số 11.023 lao động làm việc ở các KCN, CCN Tiền Giang thì có khoảng 71,0% lao động của tỉnh Tiền Giang và khoảng 29,0% lực lượng lao động tại một số tỉnh lân cận trong vùng, như Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp, Long An.

Do nhà xa nên lực lượng này thường thuê các nhà trọ ở khu vực dân cư lân cận để sống, gây khó khăn cho công tác quản lý về sinh hoạt ngoài giờ làm việc cũng như việc quản lý tạm trú của chính quyền địa phương. Một nhu cầu bức thiết đang trở thành áp lực ngày càng tăng đối với KCN, CCN là vấn đề nhà ở cho công nhân lao động nhưng đến nay chưa được tỉnh và DN quan tâm, trong khi số lượng công nhân lao động KCN, CCN lại không ngừng tăng lên.

**Bảng 2: Tình hình sử dụng lao động tại KCN, CCN Tiền Giang**

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	2006/2005		2007/2006	
				C.lệch	%	C.lệch	%
				1. Sử dụng lao động mới	2.668	4.689	4.614
2. Tổng số lao động	7.271	8.783	11.023	1.512	120,8	2.240	125,5
- Lao động thời vụ	2.746	3.409	4.159	633	124,1	750	122,0
- Lao động nữ	4.422	5.465	5.984	1.043	123,6	419	107,7
3. Trình độ (%):							
- CĐ, ĐH và sau đại học	5,6	5,9	7,2	0,3	105,4	1,3	122,0
- Trung cấp	6,7	6,9	8,6	0,2	102,9	1,7	124,6
- Phổ thông	87,7	87,2	84,2	-0,5	99,4	-3,0	96,6
4. LĐ là người nước ngoài	16	24	37	8	150,0	13	154,2
5. Lao động/ha	115	120	122	5	104,3	2	101,6

*Nguồn: Ban quản lý các KCN Tiền Giang, Sở Lao động, Phòng Công nghiệp Thành phố Mỹ Tho, 2008*

Qua nghiên cứu cho thấy lực lượng lao động nữ chiếm tỷ lệ khá cao trong cơ cấu lao động tại các DN trong KCN, CCN Tiền Giang, do phần lớn các DN hoạt động trong lĩnh vực may mặc, giày da, chế biến thủy hải sản nên thu hút nhiều lao động nữ. Một số DN sử dụng lao động nhiều như Công ty TNHH Nam of London (may mặc) 1.283 người, Cty TNHH EXCEL Việt Nam (may mặc) 508 người, Cty Cổ phần Hùng Vương (Chế biến thủy hải sản) 1.197 người. Năm 2005 lực lượng lao động nữ chiếm 60,8%, năm 2006 chiếm 62,2%, sang năm 2007 đạt 54,3%. Hiện nay tại các KCN, CCN ở Tiền Giang vấn đề quy hoạch nhà trẻ, trường mẫu giáo chưa được chú trọng gây ảnh hưởng đến tâm lý, hiệu quả làm việc của lực lượng lao động đã có con nhỏ, đặc biệt là lao động nữ. Số lao động trên diện tích thuê (ha) của các DN năm 2005 là 115 lao động, năm 2006 là 120 lao động

tăng 4,3% so với năm 2005 và năm 2007 tăng 1,6% so với năm 2007. Điều này cho thấy tình hình sử dụng lao động của các DN ngày càng cao. Hiện tại các DN đầu tư nước ngoài trong KCN, CCN còn khá khiêm tốn nên số lượng người nước ngoài chưa nhiều, năm 2007 chỉ có 13 DN có vốn đầu tư nước ngoài với 37 lao động nước ngoài (là những nhà quản lý, kỹ sư, chuyên gia) làm việc. Tuy nhiên vấn đề nhà ở cho các chuyên gia ở Tiền Giang chưa được chú trọng làm ảnh hưởng đến việc thu hút lao động nước ngoài có trình độ cao để phục vụ nhu cầu phát triển của Tỉnh.

Chất lượng lao động tại các KCN Tiền Giang nhìn chung thấp, nhưng đang có chuyển biến tích cực theo hướng tăng dần tỷ trọng lao động trí óc, lao động có tay nghề, phù hợp với xu hướng CNH - HĐH trong quản lý và trong sản xuất. Cụ thể, lực lượng lao động có trình độ đại học năm 2005 chiếm 5,6%, năm 2006 chiếm 5,9%, sang năm 2007 đạt 7,2%. Tương tự, lực lượng lao động có trình độ trung cấp cũng tăng dần qua các năm, đến năm 2007 là 8,6% trong cơ cấu lao động, trong khi đó, lực lượng lao động phổ thông chưa qua đào tạo đang giảm dần. Tình hình thuê lao động trên một hecta (ha) ở các KCN, CCN tăng đều qua các năm cụ thể năm 2006 là 120 lao động tăng 5 lao động/ha so với năm 2005 và 2007 tăng 2 lao động so với năm 2006. Điều này cho thấy việc thu hút đầu tư vào các KCN, CCN trong thời gian qua chủ yếu là các DN vừa và nhỏ sử dụng nhiều lao động góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm của tỉnh. Hiện nay tại Tiền Giang chưa có trung tâm dạy nghề đào tạo lao động lành nghề cung cấp riêng cho KCN, CCN, đây cũng là hạn chế của Tiền Giang làm giảm sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Lực lượng lao động thường được đào tạo lại bởi chính các DN cho phù hợp với nhu cầu công việc, điều này làm mất nhiều thời gian và chi phí cho các nhà đầu tư. Tiền Giang hiện có 08 trung tâm tư vấn và giới thiệu việc làm cho người lao động, nhưng chỉ có 05 trung tâm dạy nghề thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Hội Liên hiệp phụ nữ Tiền Giang. Điều này cho thấy, việc đào tạo nghề vẫn còn ở quy mô nhỏ, chưa thể đào tạo được công nhân lành nghề mà chỉ có thể đào tạo công nhân ngành may mặc, giày da là chủ yếu. Ngoài ra để giải quyết khó khăn cho dân vùng dự án KCN và Khu tái định cư Tân Hương, năm 2007, Ban quản lý phối hợp Sở Lao động, Trung tâm dạy nghề huyện Châu Thành và UBND xã Tân Hương tổ chức lớp dạy may công nghiệp tại xã Tân Hương nhằm giải quyết nhu cầu học nghề may ưu tiên cho người dân trong vùng dự án và lao động trong tỉnh Tiền Giang.

Đến cuối năm 2007 các DN trong KCN, CCN đã thành lập được 20 tổ chức công đoàn cơ sở với tổng số công đoàn viên 7.230, 02 tổ chức nghiệp đoàn, 09 công đoàn cơ sở trực thuộc, 03 chi bộ đảng. Nhìn chung trong năm 2007 tình hình lao động ổn định, tuy có thiếu lao động nhưng các DN cố gắng ổn định nguồn lao động bằng nhiều chính sách như xây dựng nhà ở cho công nhân (Công ty cổ phần Hùng Vương, Công ty Cổ phần Gò Đăng), hỗ trợ tiền thuê nhà trọ, bữa ăn trưa, cải thiện đơn giá tiền lương, giảm tăng ca, giảm giờ làm việc. Trong năm 2007, Ban quản lý các KCN đã phối hợp Sở Lao động Thương binh và Xã hội và các ngành tổ chức thanh tra tại 03 DN kết quả cả 03 DN đều vi phạm Pháp luật Lao động. Tình hình thực hiện Pháp luật lao động có chuyển biến, tỷ lệ ký kết

hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế có tăng nhưng chưa cao đến nay chỉ đạt 58,89% (do một số DN mới đi vào hoạt động).

### 3.4 Phân tích mức độ ảnh hưởng của lao động đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp vào khu công nghiệp

Để xác định mức độ ảnh hưởng của lao động đến quyết định đầu tư của các DN vào KCN ở Tiền Giang, kiểm định Bartlett's được thực hiện:

H<sub>0</sub>: Các biến không có tương quan;

H<sub>1</sub>: Có tương quan giữa các biến.

Trong phân tích nhân tố, ta mong đợi bác bỏ giả thuyết H<sub>0</sub>, nghĩa là chấp nhận giả thuyết H<sub>1</sub> các biến có liên quan với nhau. Sau khi chạy kiểm định, ta có Bartlett's Test = 43,435; Significance P.value = ,003. Như vậy, giả thuyết H<sub>0</sub> hoàn toàn bị bác bỏ ở mức ý nghĩa  $\alpha = 5\%$  (vì giá trị P nhỏ hơn 5%) hay các biến có tương quan với nhau.

Kết quả cho thấy theo tiêu chuẩn eigenvalue lớn hơn 1 thì chỉ có ba nhân tố được rút ra. Do đó, số lượng ba nhân tố là thích hợp, với Cumulative % cho biết ba nhân tố đầu tiên giải thích được 67,761% biến thiên của dữ liệu. Bảng sau thể hiện mối tương quan giữa ba nhân tố chuẩn hóa F<sub>1</sub>, F<sub>2</sub>, F<sub>3</sub> và V<sub>1</sub> đến V<sub>6</sub>.

**Bảng 3: Ma trận nhân tố sau khi xoay (Rotated Component Matrix)**

	Nhân tố (Component)		
	F <sub>1</sub>	F <sub>2</sub>	F <sub>3</sub>
V <sub>1</sub> (Chính sách ưu đãi đầu tư vào KCN)	-0,062	<b>0,724</b>	-0,440
V <sub>2</sub> (Cơ sở hạ tầng kỹ thuật KCN)	<b>0,848</b>	0,010	-0,037
V <sub>3</sub> (Vị trí thành lập KCN thuận lợi)	-0,133	0,034	<b>0,868</b>
V <sub>4</sub> (HT cung cấp điện, viễn thông, nước SX và xử lý nước thải tập trung cho toàn KCN)	<b>0,736</b>	-0,199	-0,248
V <sub>5</sub> (Nguyên liệu đầu vào ổn định)	0,544	-0,214	<b>0,532</b>
<b>V<sub>6</sub> (Lực lượng lao động dồi dào, giá nhân công hấp dẫn cùng với chính sách hỗ trợ đào tạo lao động)</b>	0,027	<b>0,835</b>	0,146

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, 2008

Từ kết quả trên, ta thấy rằng nhóm nhân tố F<sub>1</sub> có tương quan đến 4 biến. Nhưng chỉ có 2 biến tương quan rất cao như V<sub>2</sub> (Cơ sở hạ tầng kỹ thuật), V<sub>4</sub> (Được cung cấp HT điện, viễn thông, nước SX và xử lý nước thải), các biến này thể hiện mức độ quan trọng về “**nhân tố hạ tầng kỹ thuật chung KCN**”.

Nhóm nhân tố F<sub>2</sub> có tương quan đến 4 biến, nhưng chỉ có 2 biến tương quan rất cao như V<sub>1</sub> (Chính sách ưu đãi đầu tư), V<sub>6</sub> (Nguồn lao động dồi dào, giá nhân công hấp dẫn cùng với chính sách hỗ trợ đào tạo lao động) có tương quan khá cao, các biến này thể hiện mức độ quan trọng về “**chính sách thu hút đầu tư vào KCN**”.

Tương tự, nhóm nhân tố F<sub>3</sub> liên quan đến các biến có hệ số tương quan cao như V<sub>3</sub> (Vị trí địa điểm, thành lập KCN, thuận lợi), V<sub>5</sub> (Nguyên liệu đầu vào ổn định), các nhân tố này được đặt tên là “**nhân tố vị trí, địa điểm thành lập KCN**”.

Như vậy, qua kết quả xử lý ta thấy có ba mức độ quan trọng ảnh hưởng đến quyết định các DN đầu tư vào KCN, là mối quan hệ hạ tầng chung kỹ thuật KCN,



Chính sách thu hút đầu tư vào KCN và địa điểm thành lập KCN, đại diện bởi nhân tố 1 (F<sub>1</sub>), nhân tố 2 (F<sub>2</sub>) và nhân tố 3 (F<sub>3</sub>). Điểm nhân tố để kết hợp các biến chuẩn hóa (F) được kết quả ở bảng sau:

**Bảng 4: Ma trận điểm hệ số nhân tố (Component Score Coefficient Matrix)**

	Nhân tố (Component)		
	F <sub>1</sub>	F <sub>2</sub>	F <sub>3</sub>
V <sub>1</sub> (Chính sách ưu đãi đầu tư vào KCN)	0,005	<b>0,485</b>	-0,264
V <sub>2</sub> (Cơ sở hạ tầng kỹ thuật KCN)	<b>0,430</b>	0,026	-0,062
V <sub>3</sub> (Vị trí thành lập KCN thuận lợi)	-0,101	0,100	<b>0,664</b>
V <sub>4</sub> (Được cung cấp HT cung cấp điện, viễn thông, nước SX và xử lý nước thải tập trung đến chân hàng rào KCN)	<b>0,377</b>	-0,148	-0,235
V <sub>5</sub> (Nguyên liệu đầu vào ổn định)	0,248	-0,093	<b>0,360</b>
<b>V<sub>6</sub> (Lực lượng lao động dồi dào, giá nhân công hấp dẫn)</b>	0,029	<b>0,621</b>	0,185

Từ bảng trên, ta có ước lượng điểm nhân tố của ba nhân tố F<sub>1</sub>, F<sub>2</sub> và F<sub>3</sub> như sau:

$$F_1 = 0,430V_2 + 0,377V_4$$

$$F_2 = 0,485V_1 + 0,621V_6$$

$$F_3 = 0,664V_3 + 0,360V_5$$

Qua kết quả phân tích ở trên, ta thấy rằng các yếu tố quan trọng đã ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các DN vào KCN, gồm ba nhân tố: (i) cơ sở hạ tầng kỹ thuật KCN; (ii) chính sách thu hút đầu tư vào KCN và (iii) vị trí, địa điểm thành lập KCN thuận lợi cho SXKD của DN. Trong ba nhân tố chung trên thì nhân tố “**Vị trí, địa điểm thành lập KCN, thuận lợi cho SXKD của DN**” là nhân tố quyết định cao nhất và ảnh hưởng cao nhất đến quyết định đầu tư của các DN vào KCN, trong thời gian qua. Nhân tố ảnh hưởng cao tiếp theo đến quyết định đầu tư là “**nguồn lao động dồi dào giá nhân công hấp dẫn**” và thứ 3 là “**cơ sở hạ tầng kỹ thuật KCN**”.

#### 4 GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

Nhằm phát triển KCN và tăng cường hiệu quả sử dụng lao động của các DN trong KCN, các giải pháp sau đây được đề xuất:

##### 4.1 Nhóm giải pháp về đào tạo và sử dụng hiệu quả lao động trong khu công nghiệp

- Cần có chính sách thu hút lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao là người Việt Nam hoặc người nước ngoài vào làm việc tại các KCN, thông qua: chế độ tiền lương, thu nhập, thuế thu nhập; ưu đãi về nhà ở và phương tiện làm việc;
- Nghiên cứu xây dựng, ban hành các chính sách thu hút, đãi ngộ đối với giáo viên dạy nghề có tính đến yếu tố đào tạo nghề trong các ngành công nghệ cao và ngành kinh tế mũi nhọn. Trong đó, các chính sách quan trọng như: tiền lương, tiền thưởng, chính sách nhà ở, chính sách đào tạo nâng cao, bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật ở trong và ngoài nước;

- Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật nghiệp vụ chuyên môn cho từng đối tượng, từng bộ phận, ngành nghề có vị trí chiến lược chuyên đổi ngành nghề có công nghệ kỹ thuật cao, kể cả cán bộ các cơ sở, ban, ngành có liên quan đến quản lý các DN trong KCN;
- Trên cơ sở quy hoạch các KCN, xác định các ngành nghề ưu tiên đầu tư để có kế hoạch đào tạo mang tính đón đầu, đào tạo có định hướng, có trọng tâm phù hợp nhu cầu thực tế;
- Hàng năm ngân sách Tỉnh bố trí kinh phí để đào tạo miễn phí cho người lao động của Tỉnh về ngành nghề phù hợp nhằm đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng phục vụ cho các KCN;
- Khi quy hoạch KCN, Tỉnh cần chú trọng đến việc quy hoạch quỹ đất để xây dựng khu tái định cư cho các hộ dân bị giải toả KCN và đất chung cư cho công nhân làm việc trong KCN ở. Việc quy hoạch và xây dựng nhà ở của công nhân tại các KCN, phải đảm bảo yêu cầu tối thiểu để sử dụng lâu dài và tạo điều kiện cho công nhân lao động tại các KCN sống hòa nhập với cộng đồng trong các khu dân cư, được tiếp cận với hệ thống dịch vụ công cộng đồng bộ như trường học, nhà trẻ, sân chơi, các công trình hạ tầng kỹ thuật như điện, nước, đường sá tạo điều kiện nâng cao chất lượng nhà ở, hệ thống kết cấu hạ tầng và môi trường sống, từng bước giảm khoảng cách chênh lệch về chất lượng nhà ở giữa các nhóm đối tượng khác nhau, đảm bảo cho sự công bằng xã hội;
- Thực hiện chính sách miễn nộp thuế sử dụng đất với các dự án xây dựng nhà ở cho công nhân thuê với giá thấp, phối hợp với chính sách giảm giá cho thuê nhà ở phù hợp với điều kiện thu nhập của người lao động. Đồng thời miễn giảm thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập DN cho các cá nhân, đơn vị xây dựng nhà ở cho công nhân KCN;
- Xây dựng cơ chế giảm giá nước và giá điện sinh hoạt cho những hộ kinh doanh nhà trọ phục vụ cho công nhân.

#### **4.2 Nhóm giải pháp về vị trí, địa điểm thành lập KCN**

- Quy hoạch KCN, dựa trên cơ sở chọn vị trí thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh của DN như KCN, phải gắn liền đường biển, đường sông, hệ thống giao thông thuận lợi,... đặc biệt việc quy hoạch các KCN phải gắn liền với quy hoạch vùng nguyên liệu địa phương và bảo vệ môi trường;
- Hoàn chỉnh quy hoạch theo hướng phát triển KCN, hài hoà, đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội như hạ tầng kỹ thuật (đường bộ, đường thủy, cảng, sân bay,...), hạ tầng xã hội (khu dân cư, trường học, y tế, văn hoá và thể thao) và các dịch vụ KCN, tại địa phương cũng như trong vùng Kinh tế Trọng điểm Phía Nam và đồng bằng sông Cửu Long đảm bảo tính kết nối hạ tầng kỹ thuật chung giữa các KCN, trên địa bàn.

#### **4.3 Nhóm giải pháp về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng**

- Trong điều kiện ngân sách địa phương có hạn, cần khai thác tối đa nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ của Trung ương đối với các KCN được Chính phủ phê duyệt, tranh thủ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa bàn khó khăn Tân Phước để phục vụ cho KCN Long Giang;

- Tỉnh quy hoạch mặt bằng các KCN, và kêu gọi nhà đầu tư hạ tầng đến cho thuê đất thô và họ chi tiền giải toả đền bù, chủ động đầu tư (theo quy hoạch, dự án được duyệt) và tự định giá cho thuê lại hạ tầng;
- Kêu gọi các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng dưới hình thức BOT, BT;
- Xúc tiến kêu gọi các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN, như một số KCN đã thành công KCN Tân Hưng, KCN Soài Rạp và KCN Long Giang. Thông qua việc xây dựng hoàn chỉnh hệ thống các cơ chế, chính sách đặc thù thống nhất, đồng bộ và cụ thể, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào KCN;
- Tăng tỷ lệ nguồn vốn ngân sách tỉnh cho công tác hỗ trợ đầu tư hạ tầng trong các KCN.

## 5 KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các DN vào KCN, ba nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến quyết định này bao gồm: i) cơ sở hạ tầng kỹ thuật KCN; (ii) nguồn lao động dồi dào và giá nhân công hấp dẫn, và (iii) vị trí, địa điểm thành lập KCN thuận lợi cho SXKD của DN, trong đó, quan trọng nhất là vị trí, địa điểm thành lập KCN thuận lợi cho SXKD của DN. Vì vậy, để thu hút đầu tư của các DN vào KCN, trong tình hình kinh tế suy thoái hiện nay, chúng ta cần ưu tiên thực hiện ***nhóm giải pháp về đào tạo và sử dụng hiệu quả lao động trong khu công nghiệp.***

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cục Thống kê Tiền Giang ( 2005, 2006, 2007), *Niên giám thống kê tỉnh Tiền Giang*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Ban quản lý các KCN Tiền Giang (2008), “Báo cáo tình hình hoạt động năm 2004, 2005, 2006 và 2007”.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (11/2006), “Báo cáo tại Hội thảo quốc gia phát triển KCN, KCX ở Việt Nam, Đồng Nai”.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (07/2006), “15 năm xây dựng và phát triển các KCN, KCX ở Việt Nam (1991 – 2006)”, Kỷ yếu Hội nghị hội thảo quốc gia, Long An.
- Sở Công thương Tiền Giang (2008), “Quy hoạch phát triển công nghiệp và KCN, CCN đến năm 2020; Báo cáo tình hình hoạt động công nghiệp năm 2004, 2005, 2006 và 2007”.
- Vụ Quản lý KCN, KCX, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2007), “Báo cáo tình hình hoạt động của KCN, KCX Việt Nam năm 2004, 2005, 2006 và 8 tháng đầu năm 2007.”